

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm co và tăng điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt nhóm xây dựng và hàng không với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL biến động giảm co và tăng điểm vào cuối phiên

[Thông tin doanh nghiệp]

BSR, HVN

[Báo cáo doanh nghiệp]

IDC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ kê lệnh mua giá thấp khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ 100x

09/11/2022

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,051.81 | +0.12 |
| VN30 | 1,065.08 | +0.22 |
| HĐTL VN30F1M | 1,070.00 | +1.42 |
| HNXIndex | 217.00 | +0.76 |
| HNX30 | 373.43 | +1.75 |
| UPCoM | 71.60 | -0.03 |
| USD/VND | 23,648 | -1.12 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 4.91 | +0 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 5.32 | +13 |
| Dầu (WTI, \$) | 71.74 | +0.39 |
| Vàng (LME, \$) | 1,791.15 | +0.11 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,051.81 (+0.12%)
KLGD (triệu CP) 788.2 (-5.0%)
GTGD (triệu US\$) 547.5 (-15.3%)

TTCK Việt Nam giảm co và tăng điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt nhóm xây dựng và hàng không với thanh khoản giảm. Khối ngoại tiếp tục mua ròng, tập trung ở HPG (+1.6%), STB (+3.2%), CTG (+0.9%).

HNXIndex 217.00 (+0.76%)
KLGD (triệu CP) 121.9 (+14.0%)
GTGD (triệu US\$) 65.7 (+18.3%)

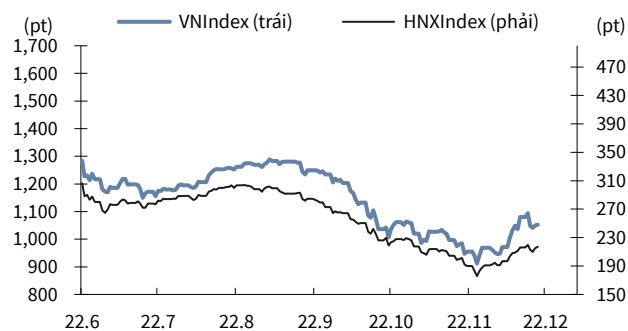
Theo CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn, ngày 8/12/2022 NMLD Dung Quất đã đạt mốc kế hoạch năm 2022 là 6.5 triệu tấn, về đích sớm 23 ngày. Hiện NMLD Dung Quất đang vận hành ở 112% công suất từ ngày 5/11/2022, vượt 9% công suất so với kế hoạch vận hành trung bình cả năm là 103%. Tính chung khối lượng sản xuất ước cả năm 2022, BSR sẽ sản xuất khoảng 7 triệu tấn sản phẩm, vượt 8% kế hoạch sản lượng cả năm.

UPCoM 71.60 (-0.03%)
KLGD (triệu CP) 58.3 (+49.8%)
GTGD (triệu US\$) 16.3 (-4.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +20.1

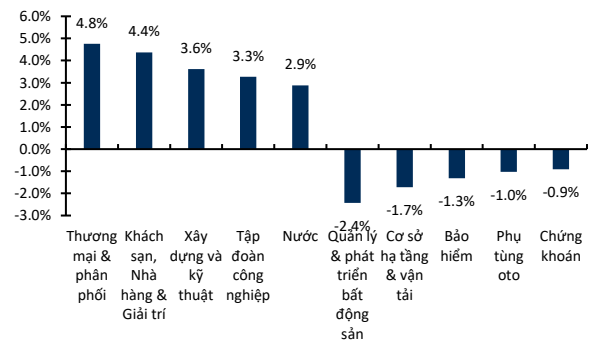
Vietnam Airlines chính thức mở lại một số đường bay giữa Việt Nam và Trung Quốc để phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách từ ngày 9/12/2022. Trong giai đoạn đầu, Vietnam Airlines sẽ nối lại ba đường bay đến Trung Quốc

VNIndex & HNXIndex



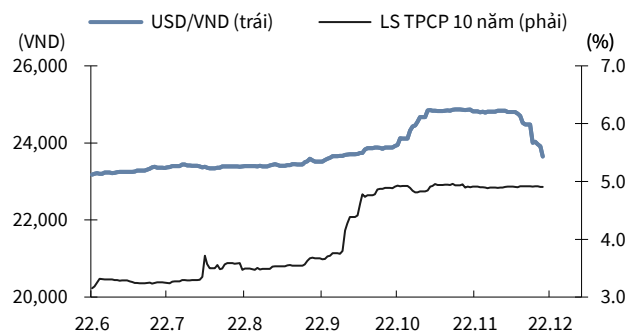
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



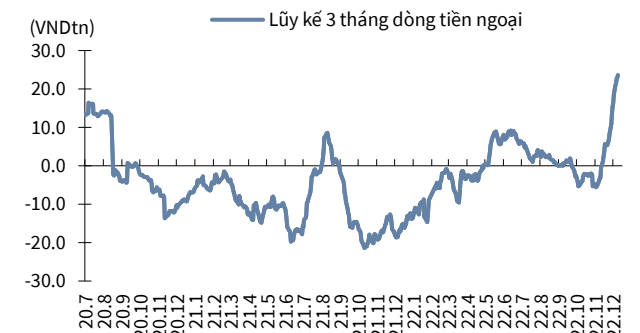
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

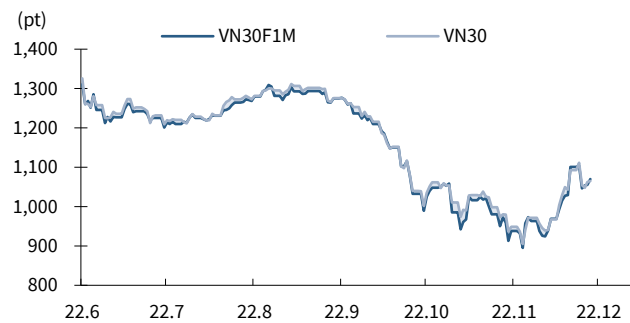
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,065.08 (+0.22%) |
| VN30F1M | 1,070.0 (+1.42%) |
| Mở cửa | 1,058.8 |
| Cao nhất | 1,084.0 |
| Thấp nhất | 1,046.1 |

Các HĐTL biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên. F2212 và chỉ số VN30 dù có sự chênh lệch thấp nhưng biến động mạnh trong phiên giao dịch hôm nay trong khoảng -8.7 đến 8.51 điểm và đóng cửa ở mức 4.92 điểm. Khối lượng giao dịch tiếp tục tăng.

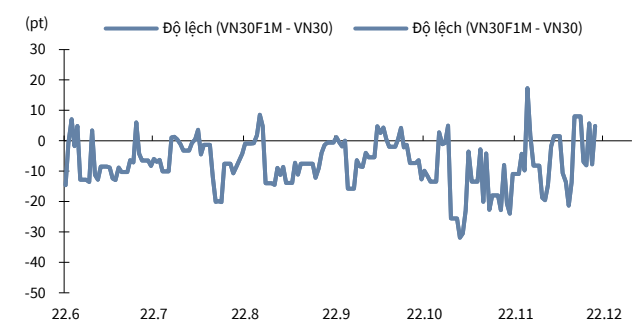
| | |
|------------------|------------------------|
| KLGD (HĐ) | 574,186 (+5.4%) |
|------------------|------------------------|

HĐTL VN30F1M & VN30



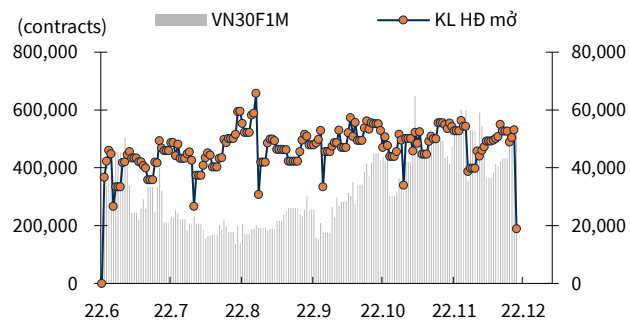
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



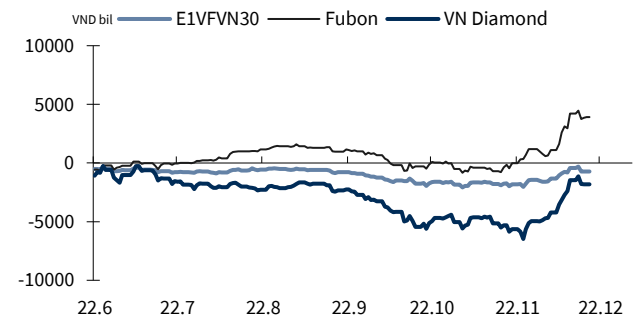
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

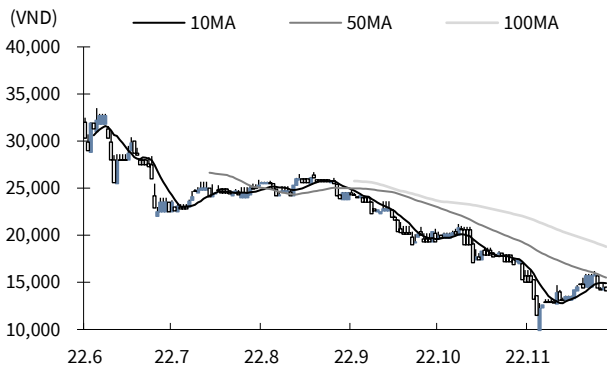
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

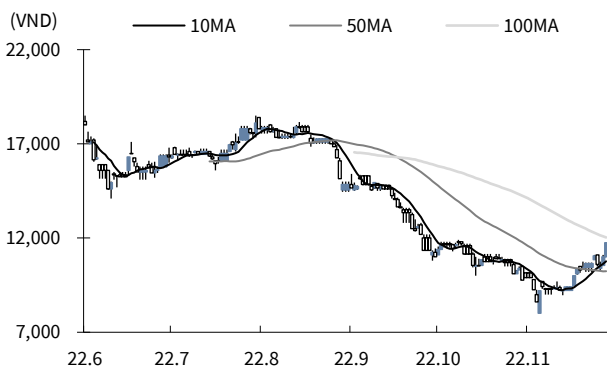
CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR giảm 2.1% xuống 14,100 VND/cp
- Theo CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn, ngày 8/12/2022 NMLD Dung Quất đã đạt mốc kế hoạch năm 2022 là 6.5 triệu tấn, về đích sớm 23 ngày. Hiện NMLD Dung Quất đang vận hành ở 112% công suất từ ngày 5/11/2022, vượt 9% công suất so với kế hoạch vận hành trung bình cả năm là 103%. Tính chung khối lượng sản xuất ước cả năm 2022, BSR sẽ sản xuất khoảng 7 triệu tấn sản phẩm, vượt 8% kế hoạch sản lượng cả năm

Vietnam Airlines (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN tăng 6.9 lên 11,750 VND/cp
- Vietnam Airlines chính thức mở lại một số đường bay giữa Việt Nam và Trung Quốc để phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách từ ngày 9/12/2022. Trong giai đoạn đầu, Vietnam Airlines sẽ nối lại ba đường bay đến Trung Quốc

06/12/2022

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh quý 3/2022 tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ

Doanh thu thuần Quý 3/2022 đạt 2,053 tỷ VND (+128%YoY), trong đó (1) doanh thu cho thuê đất KCN tăng trưởng mạnh đạt 1,032 tỷ VND (473%YoY) nhờ ghi nhận 456 tỷ đồng từ doanh thu chưa thực hiện của KCN Mỹ Xuân B1 và doanh thu cho thuê đất từ các KCN Phú Mỹ II và Hựu Thạnh (2) Doanh thu kinh doanh điện đạt 714 tỷ VND (+21%YoY). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 422 tỷ VND (+150%YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 39%, tăng 19 điểm % so với cùng kỳ do tỷ trọng đóng góp cao hơn của mảng KCN với biên lợi nhuận gộp cao nhờ giá cho thuê tăng trưởng tốt.

Hoạt động cho thuê đất KCN ghi nhận kết quả tích cực

Trong quý 3/2022, IDC đã cho thuê được 38.3ha phần lớn tại KCN Hựu Thạnh và KCN Phú Mỹ mở rộng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, IDC đã cho thuê được 129.7ha. Ban lãnh đạo tự tin rằng IDC sẽ đạt kế hoạch cho thuê cả năm là 160ha nhờ nhu cầu thuê đất duy trì tích cực.

LNST năm 2022 tăng trưởng mạnh ước đạt 2,267 tỷ VND (+399%YoY)

Chúng tôi ước tính doanh thu và LNST của cổ đông công ty mẹ của IDC năm 2022 đạt lần lượt 8,123 tỷ VND (+89%YoY) và 2,267 tỷ VND (+399%). Cho năm 2023, doanh thu và LNST của cổ đông công ty mẹ của IDC năm 2023 đạt lần lượt 8,589 tỷ VND (+6%YoY) và 2,433 tỷ VND (+7%).

Khuyến nghị MUA - Giá mục tiêu: 50,300VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu IDC với giá mục tiêu là 50,300VNĐ/cổ phiếu, tương đương với upside 37% so với giá đóng cửa ngày 05/11/2022.

Mua duy trì

Giá mục tiêu **50,300VNĐ**

| | |
|--|-----------|
| Tăng/giảm (%) | 37% |
| Giá hiện tại (05/12/2022) | 36,800VNĐ |
| Giá mục tiêu đồng thuận | 51,600VNĐ |
| Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD) | 11.2/0.5 |

Dữ liệu giao dịch

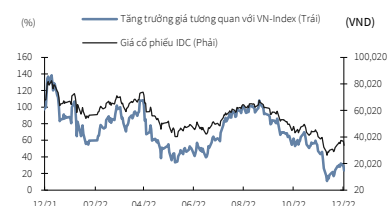
| | |
|-------------------------------------|-------------------|
| Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng | 63.4% |
| GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD) | 187.9/7.8 |
| Sở hữu nước ngoài (%) | 4.3% |
| Cổ đông lớn | SSG Group (22.5%) |

Biến động giá cổ phiếu

| (%) | 1M | 3M | 6M | 12M |
|-----------|-----|-----|-----|-----|
| Tuyệt đối | -16 | -45 | -27 | 2 |
| Tương đối | -21 | -27 | -8 | -20 |

Dự phóng KQKD & định giá

| FY-end | 2020 | 2021 | 2022F | 2023F |
|--------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| Doanh số thuần (tỷ VND) | 5,356 | 4,301 | 8,123 | 8,589 |
| Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND) | 1,179 | 717 | 3,119 | 3,312 |
| Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND) | 873 | 454 | 2,267 | 2,433 |
| EPS (VND) | 2,900 | 1,498 | 6,869 | 7,373 |
| Tăng trưởng EPS (%) | 170 | -48 | 359 | 7 |
| P/E (x) | 22.31 | 43.18 | 5.36 | 4.99 |
| P/B (x) | 4.65 | 4.98 | 2.71 | 2.09 |
| ROE (%) | 19 | 9 | 39 | 35 |
| Tỷ suất cổ tức (%) | 0 | 5% | 4% | 4% |



Nguồn: Báo cáo doanh nghiệp, KB Securities Vietnam

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Thị trường trải qua phiên giao dịch giằng co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen.
- Việc hình thành của mẫu nến trung tính cho thấy trạng thái cung cầu đang khá cân bằng tại vùng giá đóng cửa. Với diễn biến này, mặc dù cơ hội còn thêm nhịp hồi phục vẫn còn để ngỏ, rủi ro sớm quay lại xu hướng điều chỉnh vẫn đang có phần lấn át.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ kê lệnh mua giá thấp khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ 100x.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1096 - 1101

Kháng cự gần: 1086 - 1089

Hỗ trợ gần: 1039 - 1044

Hỗ trợ xa: 1026 - 1031

- F1 trải qua phiên giao dịch giằng co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen.
- Việc hình thành của mẫu nến trung tính cho thấy trạng thái cung cầu đang khá cân bằng tại vùng giá đóng cửa. Với diễn biến này, mặc dù cơ hội còn thêm nhịp hồi phục vẫn còn để ngỏ, rủi ro sớm quay lại xu hướng điều chỉnh vẫn đang có phần lấn át.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế SHORT đã mở, chỉ đóng khi chỉ số vượt vùng kháng cự xa trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

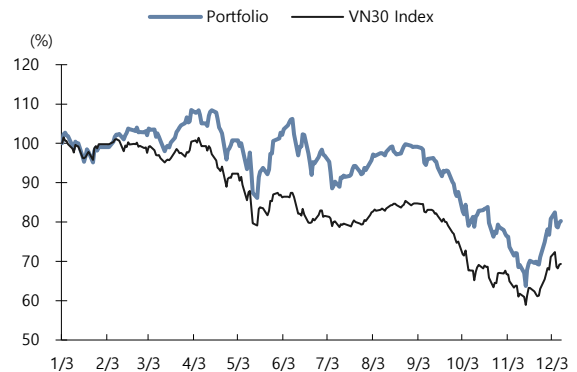
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 0.22% | 0.44% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -30.65% | -19.76% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 09/12/2022 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|--------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 46,200 | 0.4% | 19.6% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Binh Son Refinery (BSR) | 30/06/2022 | 14,100 | -2.1% | -50.5% | - Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 111,900 | 0.8% | 46.0% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tan Uyen (NTC) | 11/11/2021 | 119,000 | -4.0% | -38.0% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 80,000 | 3.4% | 170.6% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 78,000 | 1.3% | 221.5% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 01/31/2020 | 28,050 | 0.9% | 48.4% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 106,000 | 0.0% | 44.4% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 19,200 | 1.6% | 72.4% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbac City Development (KBC) | 09/03/2020 | 23,750 | 2.2% | 131.1% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | 1.6% | 21.3% | 114.6 |
| STB | 3.2% | 25.9% | 71.2 |
| CTG | 0.9% | 27.6% | 50.1 |
| VHM | -2.4% | 24.1% | 39.8 |
| SSI | -1.5% | 40.4% | 30.9 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VCB | 0.4% | 23.6% | -92.6 |
| VNM | -1.2% | 56.0% | -104.4 |
| BID | 0.5% | 17.2% | -1.9 |
| VRE | 0.5% | 33.2% | -67.1 |
| MSN | 1.0% | 30.5% | -69.5 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVS | -2.1% | 18.1% | 12.2 |
| PVI | 0.4% | 59.1% | 3.7 |
| TNG | 5.4% | 7.0% | 3.5 |
| CEO | 9.7% | 0.8% | 2.4 |
| IDC | 4.5% | 0.6% | 1.7 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| L14 | 2.5% | 0.1% | -0.0 |
| SCG | -1.1% | 0.0% | -0.0 |
| TIG | 9.5% | 10.9% | -0.0 |
| KLF | 12.5% | 0.6% | -0.0 |
| PLC | 5.5% | 1.3% | -0.0 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí | 6.0% | AST, VNG, DSN, DAH |
| Sản phẩm xây dựng | 5.2% | VGC, BMP, SHI, DAG |
| Chứng khoán | 4.4% | SSI, VND, HCM, VCI |
| Thiết bị điện | 4.0% | GEX, SAM, CAV, RAL |
| Bao bì & đóng gói | 4.0% | TDP, SVI, MCP, TPC |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Dịch vụ tài chính | -14.2% | EVF, OGC |
| Máy móc | -8.8% | TCH, HHS, SRF, SHA |
| Ngân hàng | -5.6% | VCB, BID, VPB, TCB |
| Thực phẩm | -5.2% | VNM, MSN, KDC, VHC |
| Tiện ích khí | -4.7% | GAS, PGD, PMG |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Kim loại & khai thác | 44.0% | HPG, HSG, NKG, KSB |
| Chứng khoán | 23.6% | SSI, VND, HCM, VCI |
| Xây dựng và kỹ thuật | 16.6% | DIG, HDG, VCG, PC1 |
| Thiết bị điện | 16.4% | GEX, SAM, CAV, RAL |
| Sản phẩm xây dựng | 16.2% | VGC, BMP, SHI, DAG |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Giấy & lâm sản | -19.3% | DHC, HAP, HHP, VID |
| Dịch vụ tài chính | -18.7% | EVF, OGC |
| Thương mại & phân phối | -14.6% | VPG, TSC, BTT, TNA |
| Tiện ích khí | -7.3% | GAS, PGD, PMG |
| Bảo hiểm | -4.3% | BVH, MIG, BIC, BMI |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn) | GTGD (VND triệu, USD mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 176,457 (7.2) | 22.5 | 34.4 | 36.0 | 14.7 | 5.8 | 6.6 | 2.4 | 2.2 | -3.0 | -1.5 | 26.3 | -28.7 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 204,910 (8.3) | 26.6 | 7.3 | 6.3 | 35.9 | 22.4 | 21.4 | 1.5 | 1.3 | -2.3 | -5.4 | 21.4 | -34.0 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 65,164 (2.7) | 17.8 | 26.2 | 18.2 | -7.6 | 7.8 | 10.6 | 2.0 | 1.9 | 0.5 | -8.4 | 13.8 | -4.0 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 45,853 | 86,712 (3,768) | 669,963 (27.4) | 31.3 | 5.5 | 4.1 | 6.7 | 10.8 | 13.1 | 0.6 | 0.4 | -7.0 | - | 65.5 | -81.7 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 28,347 | 19,167 (833) | 93,457 (3.8) | 11.6 | 18.2 | 16.1 | 13.7 | 11.1 | 11.4 | 1.9 | 1.7 | -0.8 | 3.3 | 48.0 | -35.2 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 205,949 (8.4) | 13.9 | 10.3 | 11.9 | - | 8.3 | 6.4 | 0.7 | 0.6 | 2.5 | -1.7 | 26.4 | -59.0 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937 | 378,305 (16,441) | 113,002 (4.6) | 6.3 | 13.3 | 11.6 | 11.7 | 21.1 | 19.0 | 2.7 | 2.2 | 0.4 | -9.1 | 4.5 | -1.9 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 79,204 (3.2) | 12.7 | 13.1 | 10.6 | -5.3 | 18.4 | 18.6 | 2.0 | 1.6 | 0.5 | -4.9 | 8.4 | 5.7 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 196,776 (8.0) | 0.0 | 4.7 | 4.6 | 14.3 | 20.9 | 17.5 | 0.9 | 0.7 | 0.2 | -1.9 | 16.0 | -43.5 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 220,704 (9.0) | 1.4 | 8.9 | 7.7 | 50.3 | 16.2 | 17.6 | 1.3 | 1.2 | 0.9 | 0.4 | 14.7 | -17.3 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 15,296 | 101,381 (4,406) | 331,898 (13.6) | 0.0 | 6.0 | 6.6 | 18.8 | 21.3 | 16.1 | 1.1 | 1.0 | -0.6 | -2.3 | -3.4 | -29.2 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 16,173 | 73,327 (3,187) | 247,855 (10.1) | 0.0 | 4.6 | 4.1 | 14.6 | 24.7 | 22.9 | 1.0 | 0.8 | 0.6 | -3.2 | 7.4 | -24.4 |
| | HDB | HDBANK | 16,320 | 40,641 (1,766) | 44,002 (1.8) | 4.2 | 5.4 | 4.9 | 23.3 | 23.4 | 20.7 | 1.1 | 0.9 | 1.8 | 1.8 | 13.5 | -31.9 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 559,826 (22.8) | 14.0 | - | - | 26.5 | 13.5 | 16.6 | 1.1 | 0.9 | 3.2 | 7.4 | 37.8 | -28.9 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,630 | 28,732 (1,249) | 167,469 (6.9) | 0.0 | 6.1 | 5.2 | 37.4 | 20.9 | 19.5 | 1.1 | 0.9 | 2.3 | -1.3 | 11.4 | -45.2 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 132,411 (5.4) | 0.2 | - | - | 27.3 | 17.7 | 14.6 | - | - | 7.0 | 3.7 | 20.1 | -33.8 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 41,378 (1.7) | 21.0 | - | - | 15.8 | - | - | - | - | -1.2 | -0.6 | -6.6 | -14.5 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 5,958 (0.2) | 14.2 | - | - | 9.1 | - | - | - | - | 2.6 | -6.1 | 5.4 | -50.7 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 20,676 | 19,947 (867) | 443,058 (18.1) | 55.4 | - | - | -3.2 | - | - | - | - | -1.5 | 4.1 | 35.9 | -58.4 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 21,154 | 9,108 (396) | 201,064 (8.2) | 71.9 | - | - | -4.0 | - | - | - | - | -2.2 | 5.8 | 13.2 | -52.5 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 168,478 (6.9) | 52.4 | - | - | -19.0 | - | - | - | - | -2.0 | -1.1 | 8.8 | -51.3 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 374,925 (15.3) | 27.2 | - | - | 36.3 | - | - | - | - | 1.3 | 11.5 | 48.3 | -53.4 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 177,936 (7.2) | 42.1 | 19.9 | 17.7 | 4.0 | 26.5 | 29.7 | 4.9 | 4.8 | -1.2 | -4.8 | -1.1 | -7.4 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 38,294 (1.6) | 36.9 | 22.0 | 19.8 | 7.3 | 23.5 | 22.8 | 4.7 | 4.2 | 0.0 | 0.6 | -3.5 | 17.9 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 115,382 (4.7) | 16.5 | 32.3 | 22.9 | -51.9 | 11.7 | 15.8 | 3.6 | 3.1 | 1.0 | -6.6 | 11.5 | -31.9 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 30,037 (1.2) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 0.0 | 3.1 | 12.4 | -61.5 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 41,903 (1.7) | 11.0 | - | - | -88.5 | - | - | - | - | 4.2 | 4.7 | 10.8 | -13.1 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 30,155 (1.2) | 10.8 | 15.7 | 16.1 | -57.0 | 13.7 | 13.2 | 2.1 | 2.0 | -1.7 | 1.4 | 4.7 | 0.7 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 76,685 (3.1) | 38.4 | 4.3 | 21.2 | 65.7 | 16.0 | 3.0 | 0.6 | 0.7 | 2.9 | -7.7 | 0.4 | -69.2 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | #N/A (#N/A) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 218,159 (8.9) | 37.7 | - | - | -14.4 | - | - | - | - | 0.0 | 5.6 | 35.6 | -60.6 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 15,869 (0.6) | 3.6 | - | 16.4 | -52.4 | -0.2 | 2.0 | - | - | 7.0 | -0.8 | 9.6 | -66.5 |
| | REE | REE | 51,826 | 18,419 (800) | 32,181 (1.3) | 0.0 | 11.0 | 11.2 | -4.5 | 17.0 | 15.4 | 1.9 | 1.7 | 3.4 | 2.6 | 15.9 | 33.1 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm) | GTGD (VND triệu, USDm) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 42,007 (1.7) | 46.1 | 14.2 | 14.6 | -17.5 | 25.1 | 21.8 | 3.4 | 3.1 | 0.0 | -4.7 | -8.9 | 10.2 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 20,873 (0.8) | 31.4 | 9.5 | 8.4 | -10.5 | 19.8 | 19.9 | - | - | 3.2 | 3.0 | 20.2 | 5.1 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 1,288 (0.1) | 34.1 | 14.7 | 7.4 | -5.1 | 6.2 | 11.7 | - | - | -0.4 | -0.7 | 1.5 | -44.9 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 24,986 | 145,287 (6,314) | 747,010 (30.4) | 18.0 | 11.9 | 10.0 | 21.9 | 10.6 | 12.0 | 1.1 | 1.1 | 1.6 | -1.3 | 47.7 | -46.2 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 94,494 (3.8) | 36.5 | 3.5 | 5.7 | -0.5 | 36.0 | 21.2 | 1.2 | 1.1 | -0.2 | 4.0 | 2.3 | -14.1 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 117,652 (4.8) | 46.5 | 3.9 | 6.5 | -4.5 | 45.7 | 22.8 | 1.6 | 1.4 | -2.9 | -1.4 | -4.3 | -22.1 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 18,864 | 11,063 (481) | 150,342 (6.1) | 38.9 | 9.8 | 6.4 | 67.9 | 7.0 | 10.0 | 0.6 | 0.6 | 4.4 | 5.3 | 38.5 | -58.4 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 25,138 (1.0) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | 0.7 | -6.0 | 4.4 | -63.3 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 32,495 (1.3) | 4.6 | 65.5 | 12.6 | -51.0 | 6.1 | 11.3 | 1.6 | 1.5 | 2.0 | -3.3 | 5.2 | -43.6 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 17,727 | 9,854 (428) | 117,198 (4.8) | 39.9 | - | 21.9 | -11.9 | -1.2 | 1.9 | 0.7 | 0.7 | -0.9 | 3.1 | -0.6 | -25.0 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 36,385 (1.5) | 35.9 | 8.2 | 7.8 | 2.2 | 14.7 | 14.5 | 1.2 | 1.0 | 0.5 | -1.0 | 12.8 | -17.8 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 46,500 | 65,024 (2,826) | 164,572 (6.7) | 0.0 | 14.3 | 11.9 | 14.4 | 21.3 | 22.6 | 2.9 | 2.5 | 0.4 | -1.7 | 1.5 | -32.0 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 27,846 (1.1) | 0.0 | 15.6 | 13.5 | 2.4 | 24.8 | 22.1 | 3.1 | 2.6 | 0.8 | -2.7 | 15.0 | 16.3 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 2,555 (0.1) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | -0.8 | 18.4 | 40.2 | -52.2 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 18,800 | 2,227 (097) | 92,705 (3.8) | 30.3 | 19.6 | 17.0 | -75.2 | 24.7 | 23.1 | 4.3 | 3.5 | 1.0 | 5.1 | -1.6 | 10.2 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 33,309 (1.4) | 34.6 | 7.2 | 8.3 | 41.2 | 28.7 | 22.5 | 1.9 | 1.8 | -0.4 | -1.7 | 10.2 | -36.6 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 1,184 (0.0) | 45.4 | 12.0 | 11.3 | 10.7 | 22.0 | 21.1 | 2.6 | 2.4 | -1.3 | 0.6 | 1.3 | -25.0 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 56,667 | 61,301 (2,664) | 101,547 (4.1) | 0.0 | 15.7 | 13.6 | 15.5 | 27.3 | 27.8 | 3.9 | 3.3 | 1.3 | 0.8 | 5.4 | 0.6 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.